TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/KDTM-ST
Ngày 25/3/2026
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Tin và bà Nguyễn Thị Bình
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2025/TLST-KDTM ngày 13 tháng 11 năm 2025 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-KDTM ngày 12/02/2026, quyết định hoãn phiên toà số 03/2026/QĐST-KDTM ngày 06/3/20206 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1 (V2);
Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Phạm Tuấn A – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm X
(Theo Văn bản uỷ quyền số 38a/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024 của ông Ngô Chí D)
Người đại diện theo uỷ quyền của ông Phạm Tuấn A:
+ Bà Phạm Thị T – Cán bộ Xử lý nợ;
+ Ông Hà Quang H – Cán bộ Xử lý nợ.
(Theo Văn bản uỷ quyền số 156/2025/UQN-GĐTT ngày 03/10/2025 của ông Phạm Tuấn A)
- Bị đơn: Công ty TNHH T1. (gọi tắt là Công ty T1)
Địa chỉ: Thôn A, xã P, thành phố Hải Phòng.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Huy H1 – Chức vụ: Giám đốc.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
+ Ông Bùi Huy H1, sinh năm 1992 và bà Tô Lan A1, sinh năm 1989; Đều có địa chỉ: Thôn A, xã P, thành phố Hải Phòng.
+ UBND xã P, thành phố Hải Phòng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phúc C – Chủ tịch UBND xã P

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lê Thị Thùy V – Phó Chủ tịch xã P.

(*Ông H có mặt, người đại diện Công ty TNHH T1, ông H1, bà Lan A1 vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty T1 và Ngân hàng TMCp V1 ký các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho vay số CLC-1918-01 ngày 07/7/2023:

Hạn mức cho vay: 1.000.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 36 tháng; Mục đích sử dụng: Hoàn vốn 1 phần tiền mua 02 xe đầu kéo; Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số 100723-10014269-ONL-6 ngày 10/7/2023; Số tiền nhận nợ: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); Thời hạn vay: 36 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 10/7/2023 đến ngày 10/7/2026; Mục đích sử dụng vốn: Theo thông tin tại Hợp đồng; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 19.20%/năm. Cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 1 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần; Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/8/2023. Mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng + biên độ 9.7 %; Thời hạn trả nợ: KH phải trả nợ gốc và nợ lãi cho bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 638.888.871 đồng tiền gốc và 229.257.227 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 361.111.129 đồng tiền gốc và 24.957.083 lãi trong hạn và 80.938.209 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 2.078.617 đồng

- Hợp đồng cho vay số CLC-25528-01 ngày 21/8/2024

Hạn mức cho vay: 2.000.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vận tải hàng hóa; Số tiền vay: 382.181.416 đồng; Khế ước nhận nợ số 040125-10014269-ONL-23 ngày 04/01/2025; Số tiền nhận nợ: 382.181.416 đồng (Ba trăm tám mươi hai triệu, một trăm tám mươi mốt ngàn, bốn trăm mười sáu đồng); Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 04/01/2025 đến 04/7/2025; Mục đích sử dụng vốn: Theo thông tin tại Hợp đồng; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 11.0%/năm. Cố định trong vòng 5 tháng. Hết thời hạn 5 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 5 tháng/lần; Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 04/6/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 5.3%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 04/7/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ t tháng lắn vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 16.356.943 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 382.181.416 đồng tiền gốc và 3.568.844 lãi trong hạn và 48.950.634 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 297.241 đồng

- Hợp đồng cho vay số CLC - 13148-01 ngày 07/02/2024

Hạn mức cho vay: 5.000.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vận tải hàng hóa; Số tiền vay: 1.076.786.537 đồng;

+ Khế ước nhận nợ số 140125-10014269-ONL-24 ngày 14/01/2025; Số tiền nhận nợ: 316.841.328 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 14/01/2025 đến 14/7/2025; Mục đích sử dụng vốn: Theo thông tin tại Hợp đồng; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.80%/năm. Cố định trong vòng 5 tháng. Hết thời hạn 5 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 5 tháng/lần; Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 14/6/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 2.3%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 14/7/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 1.829.867 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 316.841.328 đồng tiền gốc và 1.828.885 lãi trong hạn và 25.086.889 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 152.324 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 160125-10014269-ONL-26 ngày 16/01/2025.

Số tiền nhận nợ: 759.945.209 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 16/01/2025 đến 16/7/2025; Mục đích sử dụng vốn: Theo thông tin tại Hợp đồng; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.30%/năm. Cố định trong vòng 5 tháng. Hết thời hạn 5 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 5 tháng/lần; Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 16/6/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 1.8%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 16/7/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 7.792.674 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 759.945.209 đồng tiền gốc và 11.089.114 lãi trong hạn và 57.983.026 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 152.324 đồng

- Hợp đồng cho vay số CLC - 42892-01 ngày 25/4/2025. Phụ lục số 01 ngày 07/5/2025.

Hạn mức cho vay: 18.000.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vận tải hàng hóa; Số tiền vay: 2,026,487,077 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 140525-10014269-ONL-53 ngày 14/5/2025.

Số tiền nhận nợ: 845.960.268 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 14/5/2025 đến 14/11/2025; Mục đích sử dụng vốn: Theo thông tin tại Hợp đồng; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.30%/năm. Cố định trong vòng 5 tháng. Hết thời hạn 5 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 5 tháng/lần; Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 14/10/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 1.8%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 14/11/2025 và trả nợ lãi cho

Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/5/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 8.731.961 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 845.960.268 đồng tiền gốc và 1.752.181 lãi trong hạn và 57.850.906 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 145.935 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 140525-10014269-ONL-54 ngày 14/5/2025.

Số tiền nhận nợ: 699.468.903 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 14/5/2025 đến 14/11/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.30%/năm. Cố định trong vòng 5 tháng. Hết thời hạn 5 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 5 tháng/lần; Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 14/10/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 1.8%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 14/11/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/5/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 7.283.198 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 699.468.903 đồng tiền gốc và 1.448.763 lãi trong hạn và 46.321.033 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 146.861 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 150525-10014269-ONL-56 ngày 15/5/2025.

Số tiền nhận nợ: 184.969.239 đồng; Thời hạn vay: 04 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 15/5/2025 đến 15/9/2025; Mục đích sử dụng vốn: Theo thông tin tại Hợp đồng; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.10 %/năm. Cố định trong vòng 3 tháng. Hết thời hạn 3 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần; Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 15/8/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 1.8%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 15/9/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/5/2025

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 1.867.778 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 184.969.239 đồng tiền gốc và 340.039 lãi trong hạn và 12.228.399 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 28.321 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 210525-10014269-ONL-57 ngày 21/5/2025.

Số tiền nhận nợ: 296.088.667 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu, không trăm tám mươi tám ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng); Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 21/5/2025 đến 21/11/2025; Mục đích sử dụng vốn: Theo thông tin tại Hợp đồng; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.30%/năm. Cố định trong vòng 5 tháng. Hết thời hạn 5 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 5 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 21/10/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 1.8%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 21/11/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lân vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/5/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 3.338.543 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 296.088.667 đồng tiền gốc và 255.529 lãi trong hạn và 19.965.663 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 21.282 đồng

- Hợp đồng cho vay số 200623-10014269-01-SME ngày 20/6/2023.

Hạn mức cho vay: 1.430.800.000 đồng; Thời hạn cho vay: 48 tháng; Mục đích sử dụng: Thanh toán tiền mua 02 xe đầu kéo; Số tiền vay: 1.430.800.000 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 210623-10014269-ONL-4 ngày 21/6/2023.

Số tiền nhận nợ: 1.430.800.000 đồng

- Thời hạn vay: 48 tháng tính từ ngày 21/6/2023 đến 21/6/2027

Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 11.80 %/năm. Cố định trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 6 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 21/12/2023. Mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng + biên độ 3.8%; Thời hạn trả nợ: KH phải trả nợ gốc và nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 685.591.659 đồng tiền gốc và 244.984.174 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 745.208.341 đồng tiền gốc và 11.996.172 lãi trong hạn và 68.278.911 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 2.195.464 đồng

- Hợp đồng cho vay số 160623-10014269-01-SME ngày 20/6/2023.

Hạn mức cho vay: 338.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 48 tháng; Mục đích sử dụng: Thanh toán tiền mua 02 xe Sơ mi rơ mooc- Huajin; Số tiền vay: 338.000.000 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 210623-10014269-ONL-5 ngày 21/6/2023.

Số tiền nhận nợ: 338.000.000 đồng; Thời hạn vay: 48 tháng tính từ ngày 21/6/2023 đến 21/6/2027; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 11.80 %/năm. Cố định trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 6 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 21/12/2023. Mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng + biên độ 3.8%; Thời hạn trả nợ: KH phải trả nợ gốc và nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 161.958.318 đồng tiền gốc và 57.876.952 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 176.041.682 đồng tiền gốc và 2.523.391 đồng lãi trong hạn và 38.149.376 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 483.938 đồng

- Hợp đồng cho vay số CLC-27682-01 ngày 28/9/2024.

Hạn mức cho vay: 3.560.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 48 tháng; Mục đích sử dụng: Thanh toán tiền mua 05 xe đầu kéo nhãn hiệu Cheng Long; Số tiền vay: 712.000.000 đồng;

+ Khế ước nhận nợ số 300924-10014269-ONL-22 ngày 30/9/2024; Số tiền nhận nợ: 712.000.000 đồng; Thời hạn vay: 48 tháng tính từ ngày 30/9/2024 đến 30/9/2028; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 8.50 %/năm. Cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh

lãi suất đầu tiên là ngày 30/9/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 3.5%; Thời hạn trả nợ: KH phải trả nợ gốc và nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 118.666.664 đồng tiền gốc và 36.572.635 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 593.333.336 đồng tiền gốc và 4.381.995 đồng lãi trong hạn và 58.616.660 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 364.966 đồng

- Hợp đồng cho vay số CLC-35257-01 ngày 15/01/2025.

Hạn mức cho vay: 5.200.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ; Số tiền vay: 3.915.585.250 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 030325-10014269-ONL-38 ngày 03/3/2025.

Số tiền nhận nợ: 319.993.400 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 03/3/2025 đến ngày 03/9/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.30 %/năm. Cố định trong vòng 05 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 05 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 05 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 03/8/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 1.8%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 03/9/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/3/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 1.712.184 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 319.993.400 đồng tiền gốc và 1.712.177 đồng lãi trong hạn và 23.473.488 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 142.603 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 060325-10014269-ONL-39 ngày 06/3/2025.

Số tiền nhận nợ: 46.483.200 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 06/3/2025 đến ngày 06/9/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.30 %/năm. Cố định trong vòng 05 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 05 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 05 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 03/8/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 1.8%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 06/9/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/3/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 484.005 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 46.483.200 đồng tiền gốc và 248.653 đồng lãi trong hạn và 5.790.081 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 36.923 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 070525-10014269-ONL-52 ngày 07/5/2025.

Số tiền nhận nợ: 465.153.562 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 07/5/2025 đến ngày 07/11/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.30 %/năm. Cố định trong vòng 05 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 05 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 05 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 07/10/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 1.8%; Thời hạn trả nợ: KH

phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 07/11/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 03/9/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/5/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 6.368.847 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 465.153.562 đồng tiền gốc và 1.525.449 đồng lãi trong hạn và 30.241.924 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 127.051 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 110225-10014269-ONL-31 ngày 11/02/2025.

Số tiền nhận nợ: 344.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 11/02/2025 đến ngày 11/8/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.30 %/năm. Cố định trong vòng 05 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 05 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 05 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 03/8/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 1.8%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 11/8/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 9.810.644 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 344.000.000 đồng tiền gốc và 3.918.079 đồng lãi trong hạn và 17.562.082 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 255.480 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 160125-10014269-0NL-25 ngày 16/01/2025.

Số tiền nhận nợ: 833.118.582 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 16/01/2025 đến ngày 16/7/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.30 %/năm. Cố định trong vòng 05 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 05 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 05 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 16/6/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 1.8%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 16/7/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 18.696.826 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 833.118.582 đồng tiền gốc và 4.454.740 đồng lãi trong hạn và 61.114.384 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 371.025 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 210225-10014269-ONL-32 ngày 21/02/2025; Số tiền nhận nợ: 1.013.441.079 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 21/02/2025 đến ngày 21/8/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.30 %/năm. Cố định trong vòng 05 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 05 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 05 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 21/7/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 1.8%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một

lần vào ngày 21/8/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 27.063.966 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 1.013.441.079 đồng tiền gốc và 4.597.044 đồng lãi trong hạn và 56.937.341 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 273.304 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 030325-10014269-ONL-37 ngày 03/3/2025.

Số tiền nhận nợ: 403.792.856 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 03/3/2025 đến ngày 03/9/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.30 %/năm. Cố định trong vòng 05 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 05 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 05 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 03/8/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 1.8%.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 10.058.925 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 403.792.856 đồng tiền gốc và 4.599.920 đồng lãi trong hạn và 20.676.902 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 299.940 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 240125-10014269-ONL-29 ngày 24/01/2025.

Số tiền nhận nợ: 489.602.571 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 24/01/2025 đến ngày 24/7/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.30 %/năm. Cố định trong vòng 05 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 05 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 05 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 03/8/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 1.8%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 24/7/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 10.311.814 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 489.602571 đồng tiền gốc và 2.533.211 đồng lãi trong hạn và 34.732.273 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 190.164 đồng

- Hợp đồng cho vay số CLC-35259-01 ngày 15/01/2025.

Hạn mức cho vay: 2.450.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ; Số tiền vay: 2.061.598.724 đồng;

Khế ước nhận nợ số 010325-10014269-ONL-36 ngày 01/3/2025; Số tiền nhận nợ: 81.312.020 đồng; Thời hạn vay: 04 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 01/3/2025 đến ngày 01/7/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 10.80 %/năm. Cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/6/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 5.3 %; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 01/7/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/3/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 2.069.271 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 81.312.020 đồng tiền gốc và 721.625 đồng lãi trong hạn và 9.888.433 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 54.171 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 190325-10014269-ONL-40 ngày 19/3/2025.

Số tiền nhận nợ: 54.696.597 đồng; Thời hạn vay: 04 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 19/3/2025 đến ngày 19/7/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 10.80 %/năm. Cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/6/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 5.3 %; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 19/7/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/3/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 1.100.662 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 54.696.597 đồng tiền gốc và 1.537.362 đồng lãi trong hạn và 5.073.747 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 88.030 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 160125-10014269-ONL-27 ngày 17/01/2025.

Số tiền nhận nợ: 448.987.518 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 17/01/2025 đến ngày 17/7/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 10.20 %/năm. Cố định trong vòng 5 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 5 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 5 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 17/6/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 4.50%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 17/7/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 16.187.412 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 448.987.518 đồng tiền gốc và 3.762.395 đồng lãi trong hạn và 22.772.893 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 124.726 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 310325-10014269-ONL-49 ngày 31/3/2025.

Số tiền nhận nợ: 50.582.450 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 31/3/2025 đến ngày 30/9/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 11.00 %/năm. Cố định trong vòng 5 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 5 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 5 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 31/8/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 5.3%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 30/9/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/4/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 1.773.675 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 50.582.450 đồng tiền gốc và 558.661 đồng lãi trong hạn và 4.733.270 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 31.683 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 270225-10014269-ONL-34 ngày 27/02/2025.

Số tiền nhận nợ: 934.038.843 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 27/02/2025 đến ngày 27/8/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 11.00 %/năm. Cố định trong vòng 5 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 5 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 5 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 27/7/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 5.3%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 27/8/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/3/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 24.773.613 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 934.038.843 đồng tiền gốc và 8.442.344 đồng lãi trong hạn và 115.692.866 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 633.754 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 250225-10014269-ONL-33 ngày 26/02/2025.

Số tiền nhận nợ: 491.981.296 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 26/02/2025 đến ngày 26/8/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 11.00 %/năm. Cố định trong vòng 5 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 5 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 5 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 26/7/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 5.3 %; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 26/8/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/3/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 22.144.423 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 491.981.296 đồng tiền gốc và 4.543.877 đồng lãi trong hạn và 47.371.734 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 265.163 đồng

- Hợp đồng cho vay số CLC-34758-01 ngày 16/01/2025.

Hạn mức cho vay: 6.196.772.674 đồng; Thời hạn cho vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng: Cho vay để trả nợ trước hạn khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 140/2024/HĐCVHM/NHCT346/KCNHD12-HUNGVI ngày 03/6/2024; Số tiền vay: 4,233,356,773 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 200325-10014269-ONL-45 ngày 21/3/2025.

Số tiền nhận nợ: 1.808.139.085 đồng; Thời hạn vay: Tính từ ngày tiếp theo ngày 21/3/2025 đến ngày 05/6/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.40 %/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 21/4/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 2.30%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 05/6/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/4/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 20.927.795 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 1.808.139.085 đồng tiền gốc và 30.750.306 đồng lãi trong hạn và 98.442.027 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 1.743.921 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 200325-10014269-ONL-46 ngày 21/3/2025.

Số tiền nhận nợ: 466.474.975 đồng; Thời hạn vay: Tính từ ngày tiếp theo ngày 21/3/2025 đến ngày 06/6/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.40 %/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 21/4/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 2.30%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 06/6/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/4/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 5.399.083 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 466.474.975 đồng tiền gốc và 7.933.155 đồng lãi trong hạn và 25.396.687 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 449.908 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 200325-10014269-ONL-48 ngày 21/3/2025.

Số tiền nhận nợ: 203.896.148 đồng; Thời hạn vay: Tính từ ngày tiếp theo ngày 21/3/2025 đến ngày 11/6/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.40 %/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 21/4/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 2.30%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 11/6/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỷ 1 tháng tần vạo ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/4/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 2.359.938 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 203.896.148 đồng tiền gốc và 3.467.581 đồng lãi trong hạn và 11.100.889 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 196.655 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 200325-10014269-ONL-47 ngày 21/3/2025.

Số tiền nhận nợ: 959.171.534 đồng; Thời hạn vay: Tính từ ngày tiếp theo ngày 21/3/2025 đến ngày 10/6/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.40 %/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 21/4/2025. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 2.30%; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 10/6/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/4/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 11.101.660 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 959.171.534 đồng tiền gốc và 16.312.251 đồng lãi trong hạn và 52.220.977 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 925.106 đồng

+ Khế ước nhận nợ số 200325-10014269-ONL-44 ngày 21/3/2025.

Số tiền nhận nợ: 795.675.031 đồng; Thời hạn vay: Tính từ ngày tiếp theo ngày 21/3/2025 đến ngày 04/6/2025; Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6.40 %/năm. Cố định trong vòng 02 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 02 tháng, lãi suất cho vay sẽ được lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 02 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 21/5/2025. Mức điều chỉnh

bằng lãi suất cơ sở của Bên Ngân hàng + biên độ 2.30 %; Thời hạn trả nợ: KH phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 04/6/2025 và trả nợ lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/4/2025.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã trả 10.134.812 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 25/3/2026 còn nợ 795.675.031 đồng tiền gốc và 12.606.234 đồng lãi trong hạn và 43.319.601 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi 714.929 đồng

* Biện pháp bảo đảm cho khoản vay:

a) Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:

+ 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu CAMC, BKS 34C-366.97 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 34 002041 do Công an huyện K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 22/01/2024.

+ 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL, BKS 34C-366.58 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 34 000227 do Công an huyện K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 15/01/2024.

+01 xe Sơ mi Rơ mooc nhãn hiệu CIMC, BKS 34R-040.83 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 34 002008 do Công an huyện K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 17/01/2024.

+01 xe Sơ mi Rơ mooc nhãn hiệu CIMC, BKS 34R-049.89 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 34 000217 do Công an huyện K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 30/12/2023.

+01 xe ô tô nhãn hiệu INTERNATIONAL, BKS 34H-037.14 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 34 002058 do Công an huyện K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 25/01/2024. Xác lập thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số CLC-13148-10014269-HDTC-01 ngày 07/02/2024.

+ 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu CAMC, BKS 34C-256.65 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 34 000182 do Công an huyện K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 21/7/2022.

+ 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL, BKS 34H-025.37 theo Giấy chứng nhận đăngKý xe ô tô số 34 000175 do Công an huyện K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 18/7/2022.

Xác lập thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 030123-10014269-01-SME/TC ngày 12/01/2023.

+ 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu CAMC, BKS 34C-038.70 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 34 000180 do Công an huyện K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 21/7/2022.

+ 01 xe Sơ mi Rơ mooc nhãn hiệu HUAJIN, BKS 34R-031.06 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 34 000019 do Công an huyện K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 27/7/2022. Xác lập thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 030123-10014269-02-SME/TC ngày 12/01/2023.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu CNHTC, BKS 34C-270.87 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 34 000181 do Công an huyện K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 21/7/2022.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu CNHTC, BKS 34C-255.11 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 34 000179 do Công an huyện K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 21/7/2022.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu CAMC, BKS 34C-086.07 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 34 000231 do Công an huyện K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 05/8/2022. Xác lập thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 090223-10014269-02-SME/TC ngày 16/02/2023.

+ 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu INTERNATIONAL, BKS 34H-037.73 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 34 002543 do Công an huyện K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 27/5/2024.

+ 01 xe Sơ mi Rơ mooc nhãn hiệu KAILE, BKS 34R-049.78 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 34 000330 do Công an huyện K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 29/7/2024.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu CHENGLONG, BKS 34E-009.31 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 34 002758 do Công an huyện K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 29/7/2024. Xác lập thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số CLC-24697-10014269-HDTC-01 ngày 22/8/2024.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, BKS 34A-400.05 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 074258 do Phòng CSGT Công an tỉnh H cấp ngày 03/8/2020. Xác lập thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số CLC-24697-10014269-HDTC-02 ngày 23/8/2024.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu CHENGLONG, BKS 34C-346.89 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 34 001196 do Công an tỉnh H cấp ngày 16/6/2023 đứng tên Công ty TNHH T1.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu CHENGLONG, BKS 34C-366.74 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 34 001195 do Công an tỉnh H cấp ngày 16/6/2023 đứng tên Công ty TNHH T1. Xác lập thể chấp theo Hợp đồng thế chấp số 200623-10014269-SME/TC ngày 20/6/2023.

+ 01 xe Sơ mi Rơ mooc nhãn hiệu HUAJIN, BKS 34R-040.40 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 34 000126 do Công an huyện K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 15/6/2023.

+ 01 xe Sơ mi Rơ mooc nhãn hiệu HUAJIN, BKS 34R-040.13 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 34 000135 do Công an huyện K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 15/6/2023.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu CHENGLONG, BKS 34E-008.96 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 34 000065 do Công an huyện K, tỉnh Hải Dương cấp ngày

26/9/2024 đứng tên Công ty TNHH T1. Xác lập thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số CLC-27682-10014269-HDTC-01 ngày 28/9/2024.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo GCN QSDĐ số CI 199610, số vào sổ cấp GCN CH01140 do UBND huyện K cấp ngày 24/01/2018 đứng tên ông Bùi Huy H1 và bà Tô Lan A1, thửa đất số 146 (lô số 37, 38), TBĐ số 21, diện tích 154m2; địa chỉ: Khu dân cư A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã P, TP Hải Phòng). Xác lập thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 830, quyển số: 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/3/2025.

Trong trường hợp công ty T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V2, đề nghị Tòa án buộc ông Bùi Huy H1 có nghĩa vụ trả nợ thay cho công ty T1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cho vay và các Khế ước nhận nợ nêu trên. Đề nghị Tòa án tuyên trong bản án: V2 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Bùi Huy H1 để thu hồi khoản nợ cho đến khi công ty T1 thanh toán hết nợ cho V2 theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-3354/23/SME/BLCN-01 ngày 07/7/2023; Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-38772/24/SME/BLCN-01 ngày 21/8/2024; Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-22900/24/SME/BLCN-01 ngày 07/02/2024; Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-59563/25/SME/BLCN-01 ngày 25/4/2025; Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 20/6/2023; Hợp đồng bảo lãnh số BLCN - 01 ngày 28/9/2024; Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-50711/25/SME/BLCN-01 ngày 15/01/2025.

Tại văn bản trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của UBND xã P đề nghị Toà án buộc phải tháo dỡ diện tích 0.3m2 phần nhà xây lấn ra phần đất giao thông do UBND xã quản lý và đề nghị được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ cho bị đơn Công ty TNHH T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Huy H1 và bà Tô Lan A1. Nhưng các đương sự đều vắng mặt và không trình bày quan điểm.

- Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/01/2026

Về thửa đất 146, tờ bản đồ số 21, có diện tích hiện trạng là 154m2 có kích thước tứ cạnh như sau:

+ Cạnh phía Bắc giáp với đường có chiều dài 12,1m + 5,4m

+ Cạnh phía Tây giáp với đường có chiều dài 6,9m

+ Cạnh phía Nam dài 16m

+ Cạnh phía Đông dài 9,4m

Về tài sản trên đất: 01 nhà 3 tầng có diện tích xây dựng 132,7m2 trong đó:

+ Có 132,4m2 nằm trong phần đất hợp pháp được cấp GCNQSD đất;

+ Còn 0,3m2 nằm ngoài phần đất hợp pháp được cấp GCNQSD đất.

- Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/01/2026 thẩm định các xe ô tô. Các xe ô tô hiện nay vẫn giữ nguyên hiện trạng như tại thời điểm thế chấp. Riêng đối với xe ô tô BKS 34A-400.05 hiện nay vẫn do chị Tô Lan A1 quản lý và sử dụng.

- Phiếu trả lời xác minh xe của Phòng C1 – Điểm ĐK P Đội đăng ký xe Hồ N đều xác định tình trạng các xe ô tô trên đang bị cầm cố thế chấp tại ngân hàng và không có thông tin thu hồi đăng ký, biển số xe và sang tên cho chủ mơi

- Biên bản xác minh tại UBND xã P xác định thửa đất số 146 (lô số 37,38) tờ bản đồ số 21, diện tích 154m2 tại thôn A, xã P, thành phố Hải Phòng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Huy H1 và bà Tô Lan A1. UBND xã đề nghị Toà án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng yêu cầu ông Bùi Huy H1 và bà Tô Lan A1 phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm trên 0,3m2 đất giao thông do UBND xã P đang quản lý.

Tại Công văn số 704/CV-ĐKKD&QLDN ngày 24/11/2025 về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp của phòng đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp xác định Công ty TNHH T1 mã số đăng ký doanh nghiệp H2 được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 20/6/2022. Người đại diện: Ông Bùi Huy H1, tình trạng pháp lý "Tạm ngừng kinh doanh"

Tại phiên toà:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 147, 157, 227 và 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 299, 317, 318, 319, 320, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

2. Về nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi:

Buộc Công ty T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền còn nợ theo các Hợp đồng tín dụng tổng số tiền là 16.964.705.505 đồng (trong đó nợ gốc là 15.571.690.265 đồng, nợ lãi là 1.379.278.365 đồng (trong đó lãi trong hạn là 178.367.063 đồng, lãi quá hạn là 1.200.911.302 đồng), phạt chậm trả lãi 13.736.875 đồng.

Trong trường hợp Công ty T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Bùi Huy H1 phải trả nợ thay cho Công ty T1.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất

mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng TMCP V1 có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại khối tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ là: Các xe ô tô:

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu HUAJIN, số loại YJH9400TJZ, số khung LA996RBC4P5JYH013, biển số 34R-04040;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu HUAJIN, số loại YJH9400TJZ, số khung LA996RBC2P5JYH012, biển số 34R-04013;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu CHENGLONG, số khung LNXDBL0G7PL605844, số máy YC6MK38550MX3L6N00842, biển số 34C-346.89;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CHENGLONG, số khung LNXDBL0GXPL605840, số máy YC6MK38550MX3L6N00840, biển số 34C-366.74;

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu CAMC, số loại HN4253, BKS 34C-366.97;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu KCT, số loại F33-XA-01, BKS 34R-049.44;

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu INTERNATIONAL, số loại PROSTAR, BKS 34C-366.58;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu CIMC, số loại ZJV9404, BKS 34R-040.83;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu CIMC, số loại ZJV9404, BKS 34R-040.89;

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu INTERNATIONAL, số loại PROSTAR, BKS 34h-037.14;

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu CAMC, số loại HN4253, BKS 34C-256.65;

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu INTERNATIONAL, số loại PROSTAR, BKS 34C-025.37;

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu FREIGHTLINE, số loại CL120064ST, BKS 34H-025.49;

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu CAMC, số loại HN4253, BKS 34C-038.70;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu HUAJIN, số loại YJH, BKS 34R-031.06;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu KAILE, số loại AKL9408TJZ, BKS 34R-037.26;

- Theo Hợp đồng thế chấp số 090223-10014269-02-SME/TC ngày 16/02/2023:

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CNHTC, số loại ZZ4257, BKS 34C-270.87;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CNHTC, số loại ZZ4257N3247N1, BKS 34C-255.11;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CAMC, số loại HN4250, BKS 34C-086.07;

- Theo Hợp đồng thế chấp số 090223-10014269-02-SME/TC ngày 16/02/2023:

+ Xe ô tô: nhãn hiệu FREIGHTLINE, số loại st120064, BKS 34H-009.96;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu CIMC, số loại ZJV, BKS 34R-018.75;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu HYD, BKS 34R-021.55;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CHENGLONG, số loại LZ4256H7DB, biển số 34E-008.96;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CAMC, số loại HN4253, BKS 34C-256.65;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu INTERNATIONAL, số loại PROSTAR, BKS 34H-025.37;

- Theo Hợp đồng thế chấp số 030123-10014269-02-SME/TC ngày 12/01/2023:

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CAMC, số loại HN4253, BKS 34C-038.70;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu HUAJIN, số loại YJH, BKS 34R-031.06;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu INTERNATIONAL, số loại PROSTAR, BKS 34H-037.73;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu KAILE, số loại AKL9408TJZ, BKS 34R-049.78;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CHENGLONG, số loại LZ4252QDC, biển số 34E-009.31;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT, BKS 34A-400.05

- Quyền sử dụng đất tại tại thửa đất số 146 (Lô số 37; 38), tờ bản đồ số 21, diện tích 154m2, địa chỉ: Khu A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là thôn A, xã P, TP Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 199610, số vào sổ cấp GCN: CH01140 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 24/01/2018 đứng tên ông Bùi Huy H1 và bà Tô Lan A1, xác lập thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 830, quyển số: 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/3/2025 và toàn bộ tài sản trên diện tích đất thế chấp, trong đó có một phần nhà 03 tầng xây ra diện tích đất hành lang giao thông thuộc sự quản lý của UBND xã P là 0,3m^2

Người mua tài sản thế chấp sẽ được tạm sử dụng phần công trình xây dựng là một phần nhà 03 tầng xây dựng trên đất hành lang giao thông thuộc sự quản lý của UBND xã P là 0,3m^2. Trường hợp UBND xã P lấy lại diện tích đất hành lang giao thông thuộc sự quản lý của UBND xã P thì người mua tài sản thế chấp phải có trách nhiệm phá dỡ toàn bộ phần công trình đã xây dựng trên diện tích đất thuộc sự quản lý của UBND xã P để trả lại nguyên trạng.

Nếu số tiền phát mại các tài sản trên không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì Công ty T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ còn lại tại Ngân hàng TMCP V1. Trường hợp giá trị tài sản phát mại lớn hơn nghĩa vụ phải trả nợ của Công ty T1 thì số tiền thu được sau khi trừ đi các chi phí, nghĩa vụ với nhà nước (nếu có), nghĩa vụ thanh toán trả nợ với Ngân hàng thì số tiền còn dư sẽ được trả lại cho Công ty T1.

Về án phí: Công ty TNHH T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH T1 (người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Huy H1) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Huy H1 và bà Tô Lan A1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngân hàng yêu cầu công ty TNHH T1 phải trả số tiền nợ gốc và lãi từ tháng 5 năm 2023 do đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đến ngày 05/11/2025 ngân hàng khởi kiện là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu nguyên đơn cung cấp thì Toà án xét thấy nguyên đơn và bị đơn có việc thực hiện giao dịch vay tiền có đảm bảo bằng thế chấp quyền sử dụng đất và xe ô tô, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc, tiền lãi còn nợ. Do nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh và việc vay có nhằm mục đích để kinh doanh lợi nhuận, do đó Tòa án xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại loại quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn A, xã P, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của .

[4] Công ty T1 vay vốn tại V2 - Chi nhánh H3 theo Hợp đồng cho vay số CLC-1918-01 ngày 07/7/2023; Hợp đồng cho vay số CLC - 25528-01 ngày 21/8/2024; Hợp đồng cho vay số CLC-13148-01 ngày 07/02/2024; Hợp đồng cho vay số CLC-42892-01 ngày 25/4/2025; Hợp đồng cho vay số: 200623-10014269-01-SME ngày 20/6/2023; Hợp đồng cho vay số: 160623-10014269-01-SME ngày 20/6/2023; Hợp đồng cho vay số CLC-27682-01 ngày 28/9/2024; Hợp đồng cho vay số CLC-35257-01 ngày 15/01/2025; Hợp đồng cho vay số CLC-35259-01 ngày 15/01/2025; Hợp đồng cho vay số CLC-34758-01 ngày 16/01/2025 và các Khế ước nhận nợ kèm theo với tổng số tiền là: 17.176.795.777 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay để bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất cho vay trong hạn được quy định trong các khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên ngân hàng. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Sau khi Công ty H4 vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng đã nhiều lần thông báo về việc trả nợ cho phía Công ty T1.

Nội dung và hình thức của Hợp đồng tuân thủ quy định của pháp luật. Xác nhận Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng. Thực hiện các hợp đồng Ngân hàng TMCP V1 đã giải ngân cho Công ty T1 số tiền 17.176.795.777 đồng. Nhưng Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng.

[5] Sau khi vay tiền, Công ty T1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, vi phạm các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

- Đối với hợp đồng số CLC-1918-01 ngày 07/7/2023 số LD2319102736 ngày vay là 10/7/2023, ngày quá hạn là 25/6/2025. Tính đến ngày 25/3/2026 tổng số tiền còn là 469.085.038 đồng, trong đó số tiền gốc là 361.111.129 đồng, lãi phải

trả là 105.895.292 đồng (trong đó lãi trong hạn là 24.957.083 đồng, lãi quá hạn là 80.938.209 đồng), phạt chậm trả lãi là 2.078.617 đồng.

- Đối với hợp đồng số CLC-25528-01 ngày 21/8/2024 số LD 2500400742 ngày vay là 04/01/2025, ngày quá hạn là 26/5/2025. Tính đến ngày 25/3/2026 tổng số tiền còn là 434.998.135 đồng, trong đó nợ gốc là 382.181.416 đồng, lãi phải trả là 52.519.478 đồng (trong đó lãi trong hạn 3.568.844 đồng, lãi quá hạn 48.950.634 đồng), phạt chậm trả lãi 297.241 đồng.

- Đối với hợp đồng số CL-13148-01 ngày 07/02/2024 số LD 250142759 ngày vay 14/01/2025 và LD2501602704 ngày vay là 16/01/2025, ngày quá hạn là 26/5/2025. Tính đến ngày 25/3/2026 tổng số tiền còn là 1.173.850.362 đồng, trong đó nợ gốc là 1.076.786.537 đồng, lãi phải trả là 95.987.915 đồng (trong đó lãi trong hạn 12.918.000 đồng, lãi quá hạn 83.069.915 đồng), phạt chậm trả lãi 1.075.910 đồng.

- Đối với hợp đồng CLC-42892-01 ngày 25/4/2025 số LD 2513402649 ngày vay 14/5/2025 và LD 2513402755 ngày vay 14/5/2025 và LD 2513503085 ngày vay 15/5/2025 và LD 2514102026 ngày vay 21/5/2025, ngày quá hạn 26/5/2025. Tính đến ngày 25/3/2026 tổng số tiền còn là 2.166.965.792 đồng, trong đó nợ gốc là 2.026.487.077 đồng, lãi phải trả 140.162.512 đồng (trong đó lãi trong hạn 3.796.512 đồng, lãi quá hạn 136.366.000 đồng), phạt chậm trả lãi 316.203 đồng.

- Đối với hợp đồng HĐCV số 200623-10014269-01-SME ngày 20/6/2023 số LD 2317201760, ngày vay 21/6/2023, ngày quá hạn 27/5/2024. Tính đến ngày 25/3/2026 tổng số tiền còn là 827.678.888 đồng, trong đó nợ gốc là 745.208.341 đồng, lãi phải trả 80.275.083 đồng (trong đó lãi trong hạn 11.996.172 đồng, lãi quá hạn 68.278.911 đồng), phạt chậm trả lãi 2.195.464 đồng.

- Đối với hợp đồng HĐCV số 160623-10014269-01-SME ngày 20/6/2023 số LD 2317201985, ngày vay 21/6/2023, ngày quá hạn 27/5/2024. Tính đến ngày 25/3/2026 tổng số tiền còn là 217.198.387 đồng, trong đó nợ gốc là 176.041.682 đồng, lãi phải trả 40.672.767 đồng (trong đó lãi trong hạn 2.523.391 đồng, lãi quá hạn 38.149.376 đồng), phạt chậm trả lãi 483.938 đồng.

- Đối với hợp đồng CLC – 27682-01 ngày 28/9/2024 số LD 2427402979, ngày vay 30/9/2024, ngày quá hạn 26/5/2025. Tính đến ngày 25/3/2026 tổng số tiền còn là 656.696.957 đồng, trong đó nợ gốc là 593.333.336 đồng, lãi phải trả 62.998.655 đồng (trong đó lãi trong hạn 4.381.995 đồng, lãi quá hạn 58.616.660 đồng), phạt chậm trả lãi 364.966 đồng.

- Đối với hợp đồng số CL-35257-01 ngày 15/01/2025 số LD 2506202233 ngày vay 03/3/2025, ngày quá hạn 26/5/2025 và LD2506500393 ngày vay 06/3/2025, ngày quá hạn 26/5/2025; LD2512702544 ngày vay 07/5/2025, ngày quá hạn 26/5/2025;LD 2504200686 ngày vay 11/02/2025, ngày quá hạn 31/7/2025, LD2501601851 ngày vay 16/01/2025, ngày quá hạn 26/5/2025; LD2505202326 ngày vay 21/2/2025 ngày quá hạn 21/8/2025; LD2506202174 ngày vay 03/3/2025, ngày quá hạn 31/7/2025; LD2502401798 ngày 24/01/2025 ngày quá hạn là 26/5/2025. Tính đến ngày 25/3/2026 tổng số tiền còn là 4.191.399.490 đồng, trong đó nợ gốc là 3.915.585.250 đồng, lãi phải trả là 274.117.749 đồng (trong đó lãi

trong hạn 23.589.274 đồng, lãi quá hạn 250.528.475 đồng), phạt chậm trả lãi 1.696.491 đồng.

- Đối với hợp đồng số CL-35259-01 ngày 15/01/2025 số LD 250600692 ngày vay 01/3/2025, ngày quá hạn 25/6/2025 và LD2507800977 ngày vay 19/3/2025, ngày quá hạn 29/8/2025; LD2501701119 ngày vay 17/01/2025, ngày quá hạn 25/6/2025; LD 2509003232 ngày vay 31/3/2025, ngày quá hạn 31/8/2025, LD2505802499 ngày vay 27/02/2025, ngày quá hạn 25/6/2025; LD2505701041 ngày vay 26/02/2025 ngày quá hạn 25/8/2025; LD2506202174 ngày vay 03/3/2025, ngày quá hạn 31/7/2025; LD2502401798 ngày 24/01/2025 ngày quá hạn là 25/6/2025. Tính đến ngày 25/3/2026 tổng số tiền còn là 2.287.895.457 đồng, trong đó nợ gốc là 2.061.598.724 đồng, lãi phải trả là 225.099.206 đồng (trong đó lãi trong hạn 19.566.264 đồng, lãi quá hạn 205.532.942 đồng), phạt chậm trả lãi 1.197.527đồng.

- Đối với hợp đồng số CL-34758-01 ngày 16/01/2025 số LD2508000960 ngày vay 23/1/2025, ngày quá hạn 31/8/2025 và LD2508000957 ngày vay 21/3/2025, ngày quá hạn 31/8/2025; LD2508000949 ngày vay 21/3/2025, ngày quá hạn 31/8/2025; LD2508000950 ngày vay 21/3/2025, ngày quá hạn 31/8/2025; LD2508000963 ngày vay 21/3/2025, ngày quá hạn 31/8/2025. Tính đến ngày 25/3/2026 tổng số tiền còn là 4.538.936.999 đồng, trong đó nợ gốc là 4.233.356.773 đồng, lãi phải trả là 301.549.708 đồng (trong đó lãi trong hạn 71.069.528 đồng, lãi quá hạn 230.480.180 đồng), phạt chậm trả lãi 4.030.518 đồng.

Tổng số tiền Công ty T1 còn nợ Ngân hàng TMCP V1 là 16.964.705.505 đồng (trong đó nợ gốc là 15.571.690.265 đồng, nợ lãi là 1.379.278.365 đồng (trong đó lãi trong hạn là 178.367.063 đồng, lãi quá hạn là 1.200.911.302 đồng), phạt chậm trả lãi 13.736.875 đồng.

[6] Xét hợp đồng tín dụng có chữ ký của các bên, hình thức và nội dung thoả thuận trong hợp đồng đều phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên ký kết đều có đủ năng lực trách nhiệm và việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, Ngân hàng TMCP V1 khởi kiện yêu cầu Công ty T1 phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi suất trong hạn, tiền lãi suất quá hạn, tiền phạt theo Hợp đồng tín dụng là có căn cứ nên cần buộc Công ty T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền nợ gốc, lãi, tiền phạt trên.

[7] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, các xe ô tô thì thấy: Bên thế chấp và bên nhận thế chấp đã ký kết hợp đồng thế chấp. Cụ thể:

- Theo Hợp đồng thế chấp số 16063-10014269-SME/TC ngày 20/6/2023:

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu HUAJIN, số loại YJH9400TJZ, số khung LA996RBC4P5JYH013, biển số 34R-04040;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu HUAJIN, số loại YJH9400TJZ, số khung LA996RBC2P5JYH012, biển số 34R-04013;

- Theo Hợp đồng thế chấp số 200623-10014269-SME/TC ngày 20/6/2023:

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu CHENGLONG, số khung LNXDBL0G7PL605844, số máy YC6MK38550MX3L6N00842, biển số 34C-346.89;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CHENGLONG, số khung LNXDBL0GXPL605840, số máy YC6MK38550MX3L6N00840, biển số 34C-366.74;

- Theo Hợp đồng thế chấp số CLC-13148-10014269-HDTC-01 ngày 07/2/2024:

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu CAMC, số loại HN4253, BKS 34C-366.97;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu KCT, số loại F33-XA-01, BKS 34R-049.44;

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu INTERNATIONAL, số loại PROSTAR, BKS 34C-366.58;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu CIMC, số loại ZJV9404, BKS 34R-040.83;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu CIMC, số loại ZJV9404, BKS 34R-040.89;

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu INTERNATIONAL, số loại PROSTAR, BKS 34h-037.14;

- Theo Hợp đồng thế chấp số 030123-10014269-01-SME/TC ngày 12/01/2023:

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu CAMC, số loại HN4253, BKS 34C-256.65;

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu INTERNATIONAL, số loại PROSTAR, BKS 34C-025.37;

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu FREIGHTLINE, số loại CL120064ST, BKS 34H-025.49;

- Theo Hợp đồng thế chấp số 030123-10014269-02-SME/TC ngày 12/01/2023:

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu CAMC, số loại HN4253, BKS 34C-038.70;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu HUAJIN, số loại YJH, BKS 34R-031.06;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu KAILE, số loại AKL9408TJZ, BKS 34R-037.26;

- Theo Hợp đồng thế chấp số 090223-10014269-02-SME/TC ngày 16/02/2023:

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CNHTC, số loại ZZ4257, BKS 34C-270.87;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CNHTC, số loại ZZ4257N3247N1, BKS 34C-255.11;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CAMC, số loại HN4250, BKS 34C-086.07;

- Theo Hợp đồng thế chấp số 090223-10014269-02-SME/TC ngày 16/02/2023:

+ Xe ô tô: nhãn hiệu FREIGHTLINE, số loại st120064, BKS 34H-009.96;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu CIMC, số loại ZJV, BKS 34R-018.75;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu HYD, BKS 34R-021.55;

- Theo Hợp đồng thế chấp số CLC-27682-10014269-HDTC-01 ngày 28/9/2024:

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CHENGLONG, số loại LZ4256H7DB, biển số 34E-008.96;

- Theo Hợp đồng thế chấp số 030123-10014269-01-SME/TC ngày 12/01/2023:

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CAMC, số loại HN4253, BKS 34C-256.65;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu INTERNATIONAL, số loại PROSTAR, BKS 34H-025.37;

- Theo Hợp đồng thế chấp số 030123-10014269-02-SME/TC ngày 12/01/2023:

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CAMC, số loại HN4253, BKS 34C-038.70;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu HUAJIN, số loại YJH, BKS 34R-031.06;

- Theo Hợp đồng thế chấp số CLC-24697-10014269-HDTC-01 ngày 22/8/2024:

+ Xe ô tô: nhãn hiệu INTERNATIONAL, số loại PROSTAR, BKS 34H-037.73;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu KAILE, số loại AKL9408TJZ, BKS 34R-049.78;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CHENGLONG, số loại LZ4252QDC, biển số 34E-009.31;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT, BKS 34A-400.05

- Theo Hợp đồng thế chấp số CLC-34758-10014269-HDTC-01 ngày 22/8/2024:

+ 01 quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất thuộc thửa đất số 146 (Lô số 37; 38), tờ bản đồ số 21, diện tích 154m2, địa chỉ: Khu A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là thôn A, xã P, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 199610, số vào sổ cấp GCN: CH01140 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 24/01/2018 đứng tên ông Bùi Huy H1 và bà Tô Lan A1.

- Theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 20/6/2023; Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-3354/23/SME/BLCN-01 ký ngày 07/7/2023; Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-22900/24/SME/BLCN-01 ký ngày 07/02/2024; Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-38772/24/SME/BLCN-01 ký ngày 21/8/2024; Hợp đồng bảo lãnh số BLCN - 01 ký ngày 28/9/2024; Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-50711/25/SME/BLCN-01 ký ngày 15/01/2025; Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-59563/25/SME/BLCN-01 ký ngày 25/4/2025; bên bảo lãnh là ông Bùi Huy H1 đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không huỷ ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty T1 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ tất cả các Hợp đồng cho vay của Công ty T1 và các Văn kiện tín dụng được ký kết trước, trong và sau ngày ký kết các Hợp đồng này giữa Công ty T1 và V2 bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, kế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp nói trên được các bên tự nguyện ký kết, hợp đồng được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm là đúng quy định của pháp luật về nội dung và hình thức. Tại hợp đồng thế chấp tài sản, về nghĩa vụ được bảo đảm quy định: *Tài sản thế chấp đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt*…. Việc ký các hợp đồng bảo lãnh của ông Bùi Huy H1 là hoàn toàn tự nuyện tại Điều 2 của các hợp đồng bảo lãnh đã ghi: "*Bằng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm của mình, Bên Bảo Lãnh cam kết và đồng ý bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên Được Bảo Lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Được Bảo Lãnh đối với Bên*

Ngân Hàng phát sinh từ tất cả các Văn Kiện Tín Dụng (bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ, đề nghị phát hành bảo lãnh, đề nghị phát hành L, đề nghị chiết khấu và các văn bản liên quan (nếu có)) được xác lập bởi Bên Được Bảo Lãnh và/hoặc được ký kết giữa Bên Được Bảo Lãnh với Bên Ngân Hàng và bên liên quan khác (nếu có)". Do đó, trong trường hợp Công ty T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Bùi Huy H1 phải trả thay cho Công ty T1. Ngân hàng TMCP V1 có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất tại thửa đất số 146 (Lô số 37; 38), tờ bản đồ số 21, diện tích 154m2, địa chỉ: Khu A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là thôn A, xã P, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 199610, số vào sổ cấp GCN: CH01140 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 24/01/2018 đứng tên ông Bùi Huy H1 và bà Tô Lan A1 và các xe ô tô ở trên theo như các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Tại thời điểm thế chấp trên phần đất ông H1, bà Lan A1 thế chấp cho ngân hàng TMCP V1 có tài sản trên đất: 01 nhà 3 tầng có diện tích xây dựng 132,7m2 trong đó:

+ Có 132,4m2 nằm trong phần đất hợp pháp được cấp GCNQSD đất;

+ Còn 0,3m2 nằm ngoài phần đất hợp pháp được cấp GCNQSD đất.

Tại thời điểm thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H1, bà Lan A1 không có nhà trên giấy chứng nhận nên việc mô tả tài sản trên đất trong hợp đồng thế chấp không thực hiện đăng kí giao dịch bảo đảm được, tuy nhiên căn cứ hợp đồng thể chấp có nội dung các tài sản gắn liền với tài sản thế chấp được đầu tư tạo lập trước, trong, sau khi thế chấp cũng là tài sản thế chấp.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ trên thửa đất thế chấp có 01 nhà 3 tầng, diện tích đất trên thuộc đất mua đấu giá của nhà nước, khi xây dựng ông H1, bà Lan A1 đã xây dựng một phần nhà ra ngoài diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể: Có 0,3m2 nằm ngoài phần đất hợp pháp được cấp GCNQSD đất thuộc phạm vi đất hành lang giao thông do UBND xã quản lý.

Xét thấy: Toàn bộ phần công trình là nhà ở 03 tầng ông H1, bà Lan A1 xây ra ngoài diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là khối kiên cố, gắn liền với phần nhà xây trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu phá bỏ phần nhà xây ra ngoài diện tích đất được cấp giấy chứng nhận sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ công trình xây dựng. Do đó không thể tách phần nhà nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với một phần nhà xây ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, để đảm bảo thi hành án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ngân hàng TMCP V1 được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp Công ty T1 không trả được nợ đối với toàn bộ diện tích đất thế chấp và toàn bộ tài sản trên diện tích đất thế chấp, trong đó có một phần nhà 03 tầng xây ra diện tích đất hành lang giao thông thuộc sự quản lý của UBND xã P là 0,3m^2.

Người mua tài sản thế chấp sẽ được tạm sử dụng phần công trình xây dựng là một phần nhà 03 tầng xây dựng trên đất hành lang giao thông thuộc sự quản lý

của UBND xã P là 0,3m^2 từ các điểm C1, C2, C3 (sơ đồ đo vẽ kèm theo). Trường hợp UBND xã P lấy lại diện tích đất hành lang giao thông thuộc sự quản lý của UBND xã P thì người mua tài sản thế chấp phải có trách nhiệm phá dỡ toàn bộ phần công trình đã xây dựng trên diện tích đất thuộc sự quản lý của UBND xã P để trả lại nguyên trạng.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp sau khi trừ đi các chi phí cần thiết cho việc xử lý tài sản thế chấp sẽ được thanh toán cho khoản nợ của Công ty T1 tại ngân hàng, nếu thiếu thì Công ty T1 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết khoản nợ trên, nếu còn thừa sẽ được trả lại cho người thế chấp.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chấp nhận sự tự nguyện của ngân hàng chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và không yêu cầu Toà án giải quyết.

[9] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, Công ty T1 có nghĩa vụ trả nợ nên Công ty T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 147, 157, 227 và 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 299, 317, 318, 319, 320, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

2. Về nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi:

Buộc Công ty T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền còn nợ theo các Hợp đồng tín dụng tổng số tiền là 16.964.705.505 đồng (trong đó nợ gốc là 15.571.690.265 đồng, nợ lãi là 1.379.278.365 đồng (trong đó lãi trong hạn là 178.367.063 đồng, lãi quá hạn là 1.200.911.302 đồng), phạt chậm trả lãi 13.736.875 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng TMCP V1 có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại khối tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ gồm:

- Các xe ô tô:

- Theo Hợp đồng thế chấp số 16063-10014269-SME/TC ngày 20/6/2023:

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu HUAJIN, số loại YJH9400TJZ, số khung LA996RBC4P5JYH013, biển số 34R-04040;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu HUAJIN, số loại YJH9400TJZ, số khung LA996RBC2P5JYH012, biển số 34R-04013;

- Theo Hợp đồng thế chấp số 200623-10014269-SME/TC ngày 20/6/2023:

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu CHENGLONG, số khung LNXDBL0G7PL605844, số máy YC6MK38550MX3L6N00842, biển số 34C-346.89;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CHENGLONG, số khung LNXDBL0GXPL605840, số máy YC6MK38550MX3L6N00840, biển số 34C-366.74;

- Theo Hợp đồng thế chấp số CLC-13148-10014269-HDTC-01 ngày 07/2/2024:

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu CAMC, số loại HN4253, BKS 34C-366.97;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu KCT, số loại F33-XA-01, BKS 34R-049.44;

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu INTERNATIONAL, số loại PROSTAR, BKS 34C-366.58;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu CIMC, số loại ZJV9404, BKS 34R-040.83;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu CIMC, số loại ZJV9404, BKS 34R-040.89;

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu INTERNATIONAL, số loại PROSTAR, BKS 34h-037.14;

- Theo Hợp đồng thế chấp số 030123-10014269-01-SME/TC ngày 12/01/2023:

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu CAMC, số loại HN4253, BKS 34C-256.65;

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu INTERNATIONAL, số loại PROSTAR, BKS 34C-025.37;

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu FREIGHTLINE, số loại CL120064ST, BKS 34H-025.49;

- Theo Hợp đồng thế chấp số 030123-10014269-02-SME/TC ngày 12/01/2023:

+ Xe ô tô đầu kéo: nhãn hiệu CAMC, số loại HN4253, BKS 34C-038.70;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu HUAJIN, số loại YJH, BKS 34R-031.06;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu KAILE, số loại AKL9408TJZ, BKS 34R-037.26;

- Theo Hợp đồng thế chấp số 090223-10014269-02-SME/TC ngày 16/02/2023:

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CNHTC, số loại ZZ4257, BKS 34C-270.87;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CNHTC, số loại ZZ4257N3247N1, BKS 34C-255.11;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CAMC, số loại HN4250, BKS 34C-086.07;

- Theo Hợp đồng thế chấp số 090223-10014269-02-SME/TC ngày 16/02/2023:

+ Xe ô tô: nhãn hiệu FREIGHTLINE, số loại st120064, BKS 34H-009.96;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu CIMC, số loại ZJV, BKS 34R-018.75;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu HYD, BKS 34R-021.55;

- Theo Hợp đồng thế chấp số CLC-27682-10014269-HDTC-01 ngày 28/9/2024:

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CHENGLONG, số loại LZ4256H7DB, biển số 34E-008.96;

- Theo Hợp đồng thế chấp số 030123-10014269-01-SME/TC ngày 12/01/2023:

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CAMC, số loại HN4253, BKS 34C-256.65;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu INTERNATIONAL, số loại PROSTAR, BKS 34H-025.37;

- Theo Hợp đồng thế chấp số 030123-10014269-02-SME/TC ngày 12/01/2023:

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CAMC, số loại HN4253, BKS 34C-038.70;

+ Sơ mi rơ móoc: nhãn hiệu HUAJIN, số loại YJH, BKS 34R-031.06;

- Theo Hợp đồng thế chấp số CLC-24697-10014269-HDTC-01 ngày 22/8/2024:

+ Xe ô tô: nhãn hiệu INTERNATIONAL, số loại PROSTAR, BKS 34H-037.73;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu KAILE, số loại AKL9408TJZ, BKS 34R-049.78;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu CHENGLONG, số loại LZ4252QDC, biển số 34E-009.31;

+ Xe ô tô: nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT, BKS 34A-400.05

- Theo Hợp đồng thế chấp số CLC-34758-10014269-HDTC-01 ngày 22/8/2024:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 146 (Lô số 37; 38), tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Khu A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là thôn A, xã P, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 199610, số vào sổ cấp GCN: CH01140 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 24/01/2018 mang tên ông Bùi Huy H1 và bà Tô Lan A1 và toàn bộ tài sản trên diện tích đất thế chấp, trong đó có một phần nhà 03 tầng xây ra diện tích đất hành lang giao thông thuộc sự quản lý của UBND xã P là 0,3m^2 từ các điểm C1, C2, C3 (có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Người mua tài sản thế chấp sẽ được tạm sử dụng phần công trình xây dựng là một phần nhà 03 tầng xây dựng trên đất hành lang giao thông thuộc sự quản lý của UBND xã P là 0,3m^2. Trường hợp UBND xã P lấy lại diện tích đất hành lang giao thông thuộc sự quản lý của UBND xã P thì người mua tài sản thế chấp phải có trách nhiệm phá dỡ toàn bộ phần công trình đã xây dựng trên diện tích đất thuộc sự quản lý của UBND xã P để trả lại nguyên trạng.

Nếu số tiền phát mại các tài sản trên không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì Công ty T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ còn lại tại Ngân hàng

TMCP V1. Trường hợp giá trị tài sản phát mại lớn hơn nghĩa vụ phải trả nợ của Công ty T1 thì số tiền thu được sau khi trừ đi các chi phí, nghĩa vụ với nhà nước (nếu có), nghĩa vụ thanh toán trả nợ với Ngân hàng thì số tiền còn dư sẽ được trả lại cho Công ty T1.

Trong trường hợp Công ty T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Bùi Huy H1 phải trả nợ thay cho Công ty T1.

4. Về án phí: Công ty H4 phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 124.964.705 đồng (đã làm tròn). Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP V1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 62.000.000 đồng theo biên lai số: BLTU/25E số 006169 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 10 - Hải Phòng
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hạnh